

Bản án số: 65/2020/HSST
Ngày: 20/11/2020

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hôi thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Khánh và bà Lê Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên– Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2020/TLST - HS ngày 15/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST - HS ngày 06/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn L, sinh năm 1994; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú trước khi bị tạm giữ, tạm giam: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trương Văn H và bà Trần Thị H; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 02/5/2011 bị Công an huyện B xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”; ngày 30/6/2013 bị Công an huyện B xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Đánh nhau*”. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 09/8/2020; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (có mặt).

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú trước khi bị tạm giữ, tạm giam: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 18/9/2015 bị TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 05 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; ngày 31/10/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/8/2020,

chuyển tạm giam từ ngày 08/8/2020; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt).

*** Những người bị hại:**

- Anh Trần Bá Tr, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt).

- Anh Lê Trung H, sinh ngày 13/3/2002; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

*** Những người làm chứng:** Anh Trần Xuân V (tên gọi khác: Trần Xuân K) và chị Vũ Thị T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/7/2020, các bị cáo Trương Văn L, Nguyễn Văn Đ đang ở trong phòng 105 nhà nghỉ Thu Hiền thì L gọi điện thoại cho bạn là anh Trần Bá Tr rủ đến nhà nghỉ Thu Hiền chơi thì anh T đồng ý. Khoảng 01 giờ sau anh Tr điều khiển xe mô tô BKS 90B2-535.xx đến lán để xe của nhà nghỉ Thu Hiền rồi đi lên phòng gặp L. Khi vào trong phòng, anh Tr để chìa khóa xe mô tô trên mặt bàn và đi vào nhà vệ sinh. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, L nảy sinh ý định cầm cổ chiếc xe mô tô của anh Tr. L hỏi Đ tìm chỗ cầm cổ xe nên Đ gọi điện thoại cho anh Trần Xuân V hỏi về việc cầm cổ xe mô tô thì anh V đồng ý. Sau đó L nói với anh Tr “Cho anh mượn xe đi đón bạn” thì anh Tr đồng ý. Khi L hỏi mượn xe của anh Tr thì Đ biết L có ý định cầm cổ chiếc xe mô tô của Tr. L cầm chìa khóa đi ra ngoài phòng 105, sau đó Đ cũng đi ra ngoài phòng 105 thì L đưa chìa khóa xe, Đ điều khiển xe mô tô BKS 90B2-535.xx chở L đi đến cửa hàng điện thoại Hoàng Long có địa chỉ ở thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam. Khi đến cửa hàng điện thoại, Đ ở lại còn L điều khiển xe mô tô của anh Tr đi đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh V để cầm cổ xe. Do không quen biết với L nên anh V đã gọi điện thoại cho Đ và bảo Trần Văn L, sinh năm 2000, trú tại xóm x, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam đến cửa hàng điện thoại Hoàng Long đón Đ. Khi đến cửa hàng sửa chữa xe của anh V, Đ đi cùng L vào trong cửa hàng để anh V tin tưởng nhận cầm cổ xe mô tô cho L. Trước khi cầm cổ anh V hỏi nguồn gốc chiếc xe mô tô thì L trả lời chiếc xe là của L còn Đ không nói gì. Sau đó Đ đi ra ngoài bảo Trần Văn L chở Đ quay lại cửa hàng điện thoại Hoàng Long. Do tin tưởng là xe của L nên anh V đã đồng ý cầm cổ chiếc xe mô tô BKS 90B2-535.xx với giá 9.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L thuê taxi quay lại cửa hàng điện thoại Hoàng Long để chuộc điện thoại hết 1.800.000 đồng, nạp tiền vào game hết 4.500.000 đồng rồi đi taxi về nhà nghỉ Thu Hiền thanh toán 1.000.000 đồng tiền thuê phòng 105, số tiền còn lại L đã chi tiêu cá nhân hết. Khi anh Tr gọi điện thoại cho Trương Văn L hỏi xe thì L trả lời “Anh về bây giờ”. Khoảng

30 phút sau, anh Tr gọi điện thì L tắt nguồn điện thoại không trả lời. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L nhắn tin cho anh Tr với nội dung L đã cầm cổ xe và hẹn khoảng 2-3 ngày sau sẽ trả lại. Sau đó anh Tr nhiều lần yêu cầu L trả lại xe nhưng do đã tiêu sài hết số tiền 9.000.000 đồng nên L không thể chuộc lại xe để trả lại cho anh Tr. Ngày 30/7/2020 anh Tr làm đơn tố cáo gửi đến Công an xã B đối với hành vi của Trương Văn L.

Khoảng 11 giờ ngày 29/7/2020, khi Đ và L đang ở trong phòng 105 nhà nghỉ Thu Hiền thì Đ gọi điện thoại cho anh Trần Hoài N bảo đến nhà nghỉ Thu Hiền để trả sim điện thoại và đón Đ về. N đã nhắn tin cho anh Lê Trung H đến đón N. Sau đó anh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 90H6-41xx đến đón N và đi đến nhà nghỉ Thu Hiền gặp L và Đ. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H để mang đi cầm cố. Trong lúc ngồi chơi tại phòng, L hỏi mượn điện thoại của anh H để mang đi cầm cố nhưng anh H không đồng ý. Sau đó 15 phút L đứng dậy và nói đi về thì Đ nói to để anh H và N cùng nghe được *“Cho anh mượn cái xe chở L về”*. Do nghĩ rằng Đ mượn xe chở L về rồi sẽ quay lại trả nên anh H không nói gì, đồng ý cho Đ mượn xe. Đ lấy chìa khóa xe đang để trên giường rồi điều khiển xe mô tô BKS 90H6-41xx chở L đi từ nhà nghỉ Thu Hiền hướng về phía thị trấn V, huyện L. Trên đường đi, Đ có gọi điện thoại để hỏi cầm cố chiếc xe nhưng không được nên Đ nói với L tìm nơi cầm cố xe. L điện thoại cho chị Vũ Thị T hỏi cầm cố chiếc xe thì chị T đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô chở L đến nhà chị T và cầm cố chiếc xe mô tô BKS 90H6-41xx được số tiền 5.000.000 đồng, L là người cầm tiền từ chị T. Sau đó cả hai thuê xe taxi đi đến cửa hàng điện thoại Hoàng Long có địa chỉ tại ngã tư thị trấn V, huyện L. Tại đây, L đưa 5.000.000 đồng cho Đ. Đ dùng 1.500.000 đồng để chuộc điện thoại của Đ; còn lại 3.500.000 đồng, Đ trả tiền taxi và nạp vào game để cả hai cùng chơi chung. Khi không thấy Đ quay lại trả xe, anh H nhắn tin hỏi về chiếc xe mô tô nhưng Đ và L không trả lời. Ngày 31/7/2020, Đ nhắn tin cho anh H *“Xe bị tai nạn dưới Nam Định, bảo bố mẹ mang giấy tờ ra V để anh dẫn đi lấy”*. Khoảng 10 giờ ngày 31/7/2020, anh H cầm theo giấy tờ xe đến ngã tư V nhưng Đ không đến chỗ hẹn. Ngày 02/8/2020, Đ nhắn tin cho anh H nói là đã cầm xe mô tô ở cửa hàng cho thuê xe du lịch Tuyệt Cường. Sau đó anh H nhiều lần yêu cầu Đ trả lại xe mô tô nhưng Đ và L đã tiêu sài hết số tiền 5.000.000 đồng nên không thể chuộc lại xe để trả lại cho anh H. Ngày 03/8/2020 anh Lê Trung H làm đơn trình báo gửi đến Công an xã B đối với hành vi của Nguyễn Văn Đ.

Sau khi tiếp nhận thông tin từ Công an xã B, trên cơ sở lời khai của những người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu điều tra thu thập được, ngày 31/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Quyết định tạm giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trương Văn L về hành vi *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Ngày 05/8/2020 Nguyễn Văn Đ đã đến Công an huyện B đầu thú và khai nhận đã cùng L dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt những chiếc xe mô tô của anh Trần Bá Tr và anh Lê Trung H như đã nêu trên.

Ngày 04/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bình Lục xác định giá trị của 01 xe mô tô BKS 90B2-535.xx, nhãn hiệu Honda, loại xe Winner và 01 xe mô tô BKS 90H6-41xx, nhãn hiệu Honda. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Lục kết luận: *“Trị giá của: 01 (một) xe mô tô BKS 90B2-535.xx, nhãn hiệu HONDA, số loại WINNER, số máy: KC26E1113805, số khung: 2608GY081019, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu: 12/9/2017 là: 18.000.000 đồng. 01 (một) xe mô tô BKS 90H6-41xx, nhãn hiệu HONDA, số máy: 1676201, số khung: 120X9Y109917, loại xe nữ, màu sơn: đỏ - đen - xám, xe đã qua sử dụng, đã thay vỏ nhựa của xe (Wave α), đăng ký lần đầu: 09/3/2009 là: 7.500.000 đồng). Tổng cộng: 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)”*.

Tại Cáo trạng số 59/CT - VKS - SH ngày 14/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Trương Văn L và Nguyễn Văn Đ về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trương Văn L và Nguyễn Văn Đ. Tuyên bố bị cáo Trương Văn L và bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, anh Lê Trung H trình bày sự việc anh bị bị cáo Đ lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 90H6-41xx như bị cáo Đ khai nhận tại tòa. Anh đã được Công an trả lại chiếc xe. Anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Bằng thủ đoạn gian dối giả vờ mượn xe đi công việc riêng; các bị cáo Trương Văn L và Nguyễn Văn Đ đã cùng nhau chiếm đoạt xe mô tô BKS 90B2-535.xx, nhãn hiệu Honda của anh Trần Bá Tr vào ngày 26/7/2020 và xe mô tô BKS 90H6-41xx, nhãn hiệu Honda của anh Lê Trung H vào ngày 29/7/2020; sau đó mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu vào nhu cầu cá nhân. Tổng trị giá 02 xe mô tô mà các bị cáo chiếm đoạt là 25.500.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo Trương Văn L và Nguyễn Văn Đ đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L được hưởng thêm tình tiết “*Đã có thời gian đi bộ đội*”; bị cáo Đ được hưởng thêm tình tiết “*Đầu thú*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm: Xét các bị cáo cùng nhau bàn bạc, thực hiện và sử dụng tài sản chiếm đoạt nên giữ vai trò như nhau trong vụ án.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản người khác với lỗi cố ý. Các bị cáo có nhân thân xấu, chơi bời lêu lổng, không chịu lao động tạo thu nhập chính đáng mà đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người quen. Hành vi phạm tội của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an, gây bất bình trong dư luận vì vậy Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình và nhân thân của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tại biên bản xác minh tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xác định các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô BKS 90B2-535.xx và xe mô tô BKS 90H6-41xx cùng đăng ký xe, là tài sản hợp pháp của anh Trần Bá Tr và anh Lê Trung H; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn L là giấy tờ tùy thân của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an

huyện B đã trả lại cho các chủ sở hữu 02 chiếc xe mô tô và trả giấy chứng minh nhân dân cho bà Trần Thị H là mẹ đẻ của bị cáo L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 02 chiếc USB lưu hình ảnh, video liên quan đến vụ án được lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả và anh Trần Bá Tr, anh Lê Trung H, anh Trần Xuân V và chị Vũ Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

[10] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố xe mô tô của các bị cáo, anh Trần Xuân V và chị Vũ Thị T không biết những chiếc xe mô tô đó là do phạm tội mà có, do vậy không có căn cứ để xử lý hình sự. Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng đối với chị Vũ Thị T về hành vi “*Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó*” là phù hợp với quy định của pháp luật và đã có văn bản trao đổi với Công an huyện L, tỉnh Hà Nam để xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của anh Trần Xuân V theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Trương Văn L và Nguyễn Văn Đ.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn L và bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. - Xử phạt bị cáo Trương Văn L **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (31/7/2020).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (05/8/2020).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trương Văn L và Nguyễn Văn Đ; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai; báo cho các bị cáo và người bị hại - anh H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Tr được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)